**MÃ ĐỊNH DANH**

**DIỄN GIẢI DỮ LIỆU TRÊN BẢNG**

Dữ liệu được lưu trên 2 bảng: bảng dữ liệu định danh và bảng nhật ký. Bảng nhật ký trợ giúp cho người quản lý tra cứu nhật ký quá trình thêm, cập nhật và xóa dữ liệu định danh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên | Kích thước | Diễn giải |
| id | bigint | Mã bảng định danh (phát sinh tự động) |
| branch\_code | nvarchar(12) | Mã đơn vị ***(Xem phụ lục phía dưới)*** |
| branch\_name | nvarchar(150) | Tên đơn vị |
| sodinhdanh | nvarchar(17) | Mã định danh |
| tenkh\_codau | nvarchar(150) | Họ và tên khách hàng (Có dấu) |
| tenkh\_khongdau | nvarchar(150) | Họ và tên khách hàng (Không có dấu) |
| cmndcu | nvarchar(9) | Số chứng minh nhân dân cũ khách hàng |
| danhbo | nvarchar(12) | Danh bộ khách hàng |
| sohokhau\_stt | nvarchar(15) | Số sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú |
| hongheo | varchar(1) | Hộ nghèo:  0: Bình thường  1: Nghèo |
| loaicapdm | varchar(1) | Loại cấp định mức  1: Thường trú  2: Tạm trú  3: Cắt chuyển định mức |
| thoihantt | nvarchar(4) | Thời hạn tạm trú (định dạng yymm)  Bắt buộc khi Loại cấp định mức = 2 |
| danhbo\_tt | nvarchar(12) | Danh bộ khách hàng thường trú  Bắt buộc nếu Loại cấp định mức = 3 |
| diachikhachhang | nvarchar(500) | Địa chỉ khách hàng (không ràng buộc) |
| diachiemail | nvarchar(50) | Địa chỉ Email khách hàng (không ràng buộc) |
| sodienthoai | nvarchar(12) | Số điện thoại khách hàng (không ràng buộc) |
| ghichu | nvarchar(300) | Ghi chú thêm (nếu có, không ràng buộc) |
| dinhmuc | nvarchar(5) | Định mức khách hàng (không ràng buộc) |
| active | varchar(1) | Trạng thái:  0: không sử dụng  1: sử dụng |
| CreatedDate | datetime | Ngày tạo dữ liệu |
| CreatedBy | nvarchar(200) | Nhân sự tạo dữ liệu |
| ModifiedDate | datetime | Ngày cập nhật dữ liệu |
| ModifiedBy | nvarchar(200) | Nhân sự cập nhật dữ liệu |

Bảng nhật ký tương tự như bảng định danh.

**DỮ LIỆU QUY ƯỚC EXPORT CHO BILLING**

Dữ liệu được trích xuất để cập nhật cho hệ thống Billing, được quy ước như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên | Kích thước | Diễn giải |
| id | bigint | Mã bảng định danh |
| branch\_code | nvarchar(12) | Mã đơn vị ***(Xem phụ lục phía dưới)*** |
| sodinhdanh | nvarchar(17) | Mã định danh |
| tenkh\_khongdau | nvarchar(150) | Họ và tên khách hàng (Không có dấu) |
| cmndcu | nvarchar(9) | Số chứng minh nhân dân cũ khách hàng |
| danhbo | nvarchar(12) | Danh bộ khách hàng |
| sohokhau\_stt | nvarchar(15) | Số sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú |
| hongheo | varchar(1) | Hộ nghèo:  0: Bình thường  1: Nghèo |
| loaicapdm | varchar(1) | Loại cấp định mức  1: Thường trú  2: Tạm trú  3: Cắt chuyển định mức |
| thoihantt | nvarchar(4) | Thời hạn tạm trú (định dạng yymm)  Bắt buộc khi Loại cấp định mức = 2 |
| danhbo\_tt | nvarchar(12) | Danh bộ khách hàng thường trú  Bắt buộc nếu Loại cấp định mức = 3 |
| active | varchar(1) | Trạng thái:  0: không sử dụng  1: sử dụng |

**DỮ LIỆU QUY ƯỚC IMPORT DỮ LIỆU TỪ CÁC ĐƠN VỊ VỀ HỆ THỐNG CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG SAWACO**

Các trường dữ liệu được quy ước theo thứ tự như sau, các trường không tô màu đỏ là không ràng buộc, nếu đơn vị không có có thể để trống.

1. Số danh bộ
2. Mã code xử lý dữ liệu ***(Xem phụ lục phía dưới)***
3. Số (Mã) định danh
4. Họ tên khách hàng (đề nghị có dấu nếu dữ liệu đơn vị có)
5. Số chứng minh nhân dân cũ khách hàng
6. Số sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú
7. Hộ nghèo
8. Loại cấp định mức
9. Thời hạn tạm trú
10. Danh bộ khách hàng thường trú
11. Mã định danh mới
12. Mã đơn vị ***(Xem phụ lục phía dưới)***
13. Địa chỉ nhà
14. Địa chỉ Email
15. Số điện thoại
16. Ghi chú

**Định dạng cột được quy ước cách nhau bởi dấu phẩy (,). Nếu trường nào không có dữ liệu thì bỏ trống nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ các cột theo thứ tự định dạng như trên.**

**<Mã đơn vị>,<Số danh bộ>,<Mã code>,<Số định danh>,<Họ tên KH>,<CMND cũ>,<Số hộ khẩu/TT>,<Hộ nghèo>,<Loại ĐM>,<DBKH TT>,<Mã ĐD mới>,<Địa chỉ nhà>,<Email>,<Điện thoại>,<Ghi chú>**

**PHỤ LỤC**

**MÃ CÁC ĐƠN VỊ**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên | Diễn giải |
| SG | Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành |
| CL | Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn |
| GD | Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định |
| NB | Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè |
| PH | Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân |
| TH | Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa |
| TD | Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức |
| TA | Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An |
| CG | Xí nghiệp Cấp nước Cần Giờ |
| NT | Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn TP.HCM |

**MÃ CODE XỬ LÝ DỮ LIỆU**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên | Diễn giải |
| T | Thêm dữ liệu |
| S | Sửa/Cập nhật dữ liệu |
| B | Bỏ/Xóa dữ liệu |

**MÃ LỖI XỬ LÝ DỮ LIỆU IMPORT**

**Lưu ý:**

* Hệ thống sẽ không chấp nhận thêm/cập nhật dữ liệu nếu xảy ra các trường hợp mã lỗi bên dưới.
* Các dòng dữ liệu nếu bị lỗi, hệ thống sẽ tự động ghi nhận lại, dòng bị lỗi sẽ được đánh dấu mã lỗi theo định dạng **,<Mã lỗi>** được gắn nối phía sau cùng của dòng đó. Đồng thời, cuối quá trình import dữ liệu, hệ thống sẽ đưa ra tập tin chứa các dòng bị lỗi (nếu có xảy ra), quản lý có thể tải tập tin về rà soát mã lỗi để xử lý và đưa lên lại trên hệ thống.

|  |  |
| --- | --- |
| Mã lỗi | Diễn giải |
| 0 | Không có lỗi xảy ra |
| 1 | Trường hợp trùng mã định danh đã có trên hệ thống, xảy ra trên code **“T”** |
| 2 | Trường hợp không tìm thấy mã định danh trên hệ thống, xảy ra trên code **“S”** và code **“B”** |
| 3 | Sai định dạng Mã định danh:  Không nằm trong các định dạng hợp lệ sau:  + CCCD: 12 ký số  + CMND: 9 ký số  + GKS: CCCD hoặc CMND nối đuôi '.xx' hoặc '.xx.x', với x là ký số |
| 4 | Trường hợp số danh bộ trống (rỗng) trên dòng dữ liệu trong danh sách import. |
| 5 | Sai mã code Loại cấp định mức. Loại cấp định mức chỉ chấp nhận các số như sau:  + 1: Thường trú  + 2: Tạm trú  + 3: Cắt chuyển định mức |
| 6 | Loại cấp định mức = 1 lại có thời hạn tạm trú |
| 7 | Loại cấp định mức = 2 và không thời hạn tạm trú |
| 8 | Loại cấp định mức = 2 lại có danh bộ thường trú |
| 9 | Loại cấp định mức = 3 và không có danh bộ thường trú |
| 10 | Sai định dạng chứng minh nhân dân cũ. Định dạng chứng minh nhân dân cũ chỉ chấp nhận 9 ký số |
| 11 | Sai định dạng Mã định danh mới: (Nếu trường đó có thì có kiểm soát lỗi)  Không nằm trong các định dạng hợp lệ sau:  + CCCD: 12 ký số  + CMND: 9 ký số  + GKS: CCCD hoặc CMND nối đuôi '.xx' hoặc '.xx.x', với x là ký số |
| 12 | Sai thời hạn tạm trú: Thời hạn tạm trú không phải ký số (có lẫn ký tự) và hoặc không theo định dạng 4 ký số: **yymm** |
| 13 | Sai thời hạn tạm trú: Trường hợp tháng mm rơi vào số **00** |
| 14 | Sai thời hạn tạm trú: Trường hợp tháng mm nhỏ hơn 1 hoặc lớn hơn 12 |
| 15 | Sai thời hạn tạm trú: Trường hợp thời hạn tạm trú nhập vào nhỏ hơn thời gian hiện hành. |
| 16 | Lỗi sai mã code xử lý dữ liệu. Code xử lý dữ liệu chỉ chấp nhận 1 trong 3 mã **“T”**, **“S”** và **“B”**, với:  + T: Thêm dữ liệu  + S: Sửa/Cập nhật dữ liệu  + B: Bỏ/Xóa dữ liệu |
| 17 | Trường hợp sai số trường dữ liệu. Dữ liệu import chỉ chấp nhận định dạng 11 trường (định dạng cũ) hoặc 16 trường (định dạng mới). ***Xem thêm bên trên***. |
| 18 | Sai mã đơn vị: Mã đơn vị chỉ chấp nhận 10 mã đơn vị theo quy định ở bảng Mã các đơn bị bên trên. |
| 19 | Sai số điện thoại (xảy ra nếu trường đó có và theo định dạng 16 trường mới): Số điện thoại chỉ chấp nhận ký số. |
| 20 | Mã định danh trùng với số CMND cũ của 1 mã định danh hiện hành trong hệ thống. |
| 21 | CMND cũ trùng với 1 mã định danh hiện hành trong hệ thống. |
| 22 | CMND cũ trùng với CMND cũ của 1 mã định danh hiện hành trong hệ thống. |
| 23 | Mã định danh mới trùng với CMND cũ của 1 mã định danh hiện hành trong hệ thống. |